

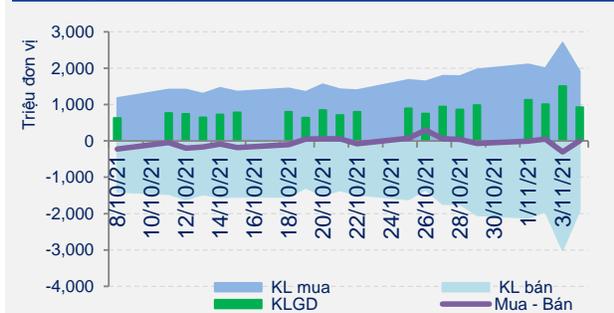
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/11/2021

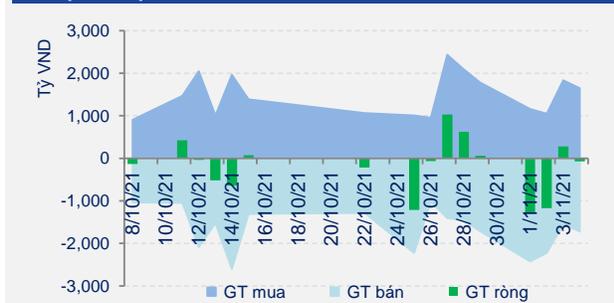
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,448.34	422.42
% Thay đổi	↑ 0.28%	↑ 1.61%
KLGD (CP)	929,526,879	141,089,629
GTGD (tỷ đồng)	27,872.28	3,843.71
Tổng cung (CP)	1,911,906,100	189,490,200
Tổng cầu (CP)	1,911,538,500	197,771,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	48,946,900	1,308,700
KL mua (CP)	45,240,900	905,734
GT mua (tỷ đồng)	1,650.31	17.13
GT bán (tỷ đồng)	1,724.20	37.28
GT ròng (tỷ đồng)	(73.89)	(20.15)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.10%	23.8	3.8	1.2%
Công nghiệp	↑ 1.04%	22.9	3.1	13.0%
Dầu khí	↓ -0.77%	19.6	2.0	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.40%	-	6.5	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.20%	17.7	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.53%	22.5	4.1	8.6%
Ngân hàng	↓ -0.29%	11.7	2.3	17.7%
Nguyên vật liệu	↑ 1.47%	12.0	2.8	14.0%
Tài chính	↑ 0.70%	19.4	3.3	38.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.29%	17.2	3.1	1.9%
VN - Index	↑ 0.28%	17.0	2.9	
HNX - Index	↑ 1.61%	23.2	4.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản duy trì ở mức cao. Cụ thể, VN-Index tăng 4,04 điểm (+0,28%) lên 1.448,34 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 282 mã tăng, 41 mã tham chiếu, 192 mã giảm. HNX-Index tăng 6,71 điểm (+1,61%) lên 422,42 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 169 mã tăng, 50 mã tham chiếu, 74 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.027 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 30.252 tỷ đồng. Thị trường điều chỉnh trong phiên sáng nhưng lực cầu gia tăng trong phiên chiều đã giúp các chỉ số đồng loạt lấy lại sắc xanh và kết phiên trong trạng thái tăng điểm. Nhóm chứng khoán là tâm điểm thu hút dòng tiền trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như SSI (+3,1%), VND (+6,9%), VCI (+5,1%), SHS (+5,6%), ORS (+8,5%), HCM (+5,3%), APS (+10%), VIX (+6,9%), MBS (+5,9%), SBS (+6,7%)... Nhóm bất động sản, xây dựng sau khi bị chốt lời trong phiên trước đã thu hút dòng tiền trở lại và đồng loạt tăng mạnh như DIG (+3,5%), KBC (+1,4%), NLG (+3,8%), LDG (+4,3%), SCR (1,7%)... Dòng tiền cũng lan tỏa tới các cổ phiếu vật liệu xây dựng như thép với HPG (+1,3%), HSG (+1,9%), NKG (+1,4%), TLH (+1,3%), SMC (+3,5%), TVN (+2,7%), VGS (+3,5%)... hay xi măng với BCC (+4,7%), BTS (+1,6%), HT1 (+4%)... với kỳ vọng hưởng lợi từ đầu tư công. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu ngân hàng bị chốt lời và phần lớn giảm giá như ACB (-1%), CTG (-1,2%), MBB (-0,9%), EIB (-1,5%), STB (-1,6%), VIB (-1%), VPB (-1%)... Bên cạnh đó, một số cổ phiếu lớn như GAS (-2,4%), VIC (-0,3%), REE (-2,1%), SAB (-0,5%), NVL (-1,1%)... đóng cửa trong sắc đỏ đã kìm hãm đà tăng của thị trường.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại với thanh khoản khá cao cho thấy lực cầu mua lên vẫn là tương đối tốt và dòng tiền vẫn đang xoay vòng trong thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, với phiên hồi phục này thì hoàn toàn có thể kỳ vọng là thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để hướng đến các mốc cao hơn trong thời gian tới. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì thị trường có thể lùi về vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 5/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.435,84 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng khiến chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.451,98 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 4,04 điểm (+0,28%) lên 1.448,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: ORS tăng 2.400 đồng, BID tăng 950 đồng, SHB tăng 1.850 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 2.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 413,84 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 422,92 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,71 điểm (+1,61%) lên 422,42 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS tăng 2.300 đồng, IDC tăng 7.200 đồng, IDJ tăng 6.100 đồng. Ở chiều ngược lại, L14 giảm 21.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 74,58 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,4 triệu cổ phiếu. PAN là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 458,7 tỷ đồng tương ứng với 14,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 192,8 tỷ đồng tương ứng với 4,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 68,2 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 20,27 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 403 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 15,5 tỷ đồng tương ứng với 539 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PDB với 9,1 tỷ đồng tương ứng với 291 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,1 tỷ đồng tương ứng với 254,5 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Hà Nội: Tăng trưởng năm 2021 sẽ thấp hơn 2,35% theo kịch bản rủi ro

Mới đây, Chủ tịch UBND TP Hà Nội Chu Ngọc Anh đã ký ban hành Kế hoạch về phục hồi và phát triển kinh tế thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trong quý IV/2021 và các năm 2022, 2023. Trong đó, kịch bản tăng trưởng trên cơ sở rủi ro, GRDP quý IV/2021 sẽ tăng thấp hơn 5,09%, cả năm 2021 tăng thấp hơn 2,35%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên. Điều này cho thấy lực cầu trên thị trường đã có sự quay trở lại và dòng tiền vẫn đang tiếp tục đổ vào thị trường.

Chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên hồi phục hôm nay và thanh khoản tiếp tục ở mức tốt thì có thể kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục đi lên trong phiên tiếp theo để hướng đến những mốc cao mới.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có khả năng VN-Index sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 5/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

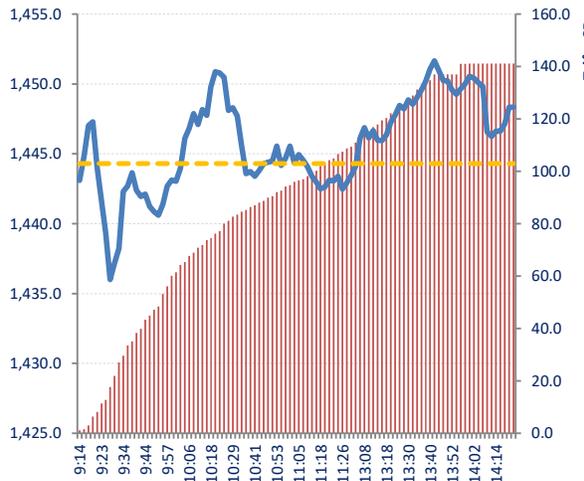
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,8 - 58,35 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 12 đồng	Sáng nay (4/11) tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD tăng mạnh 12 đồng so với mức công bố trước.

TIN QUỐC TẾ

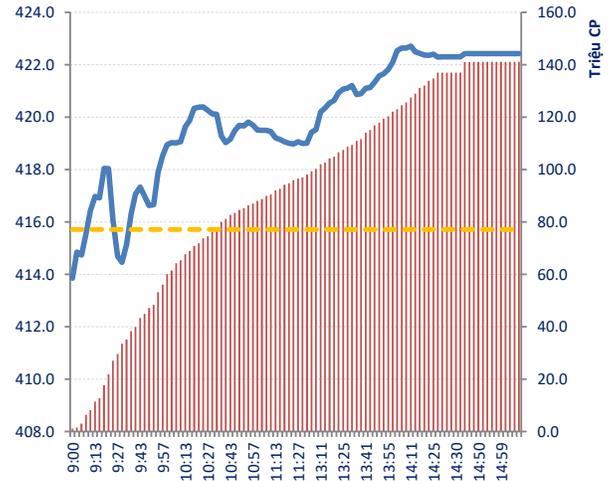
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 12,9 USD/ounce tương ứng với 0,73% lên 1.776,6 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,635 điểm tương ứng 0,39% lên 94,218 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1555 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3636 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,06 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,67 USD/thùng tương ứng với 0,82% lên 81,5 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 3/11, Dow Jones tăng 104,95 điểm tương đương 0,29% lên 36.157,58 điểm. Nasdaq tăng 161,98 điểm tương đương 1,04% lên 15.811,58 điểm. Nasdaq Composite tăng 29,92 điểm tương đương 0,65% lên 4.660,57 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

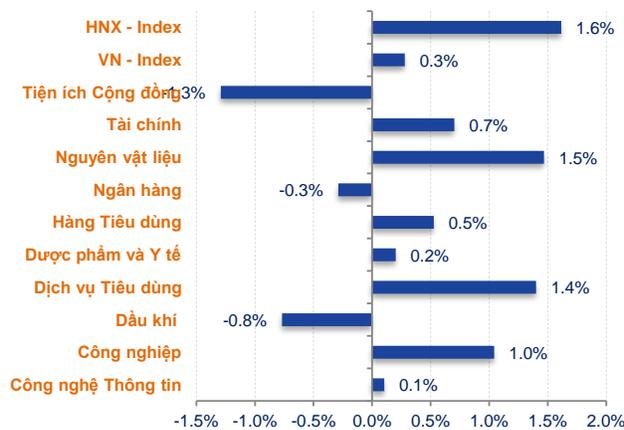
KLGD và VN-Index trong phiên



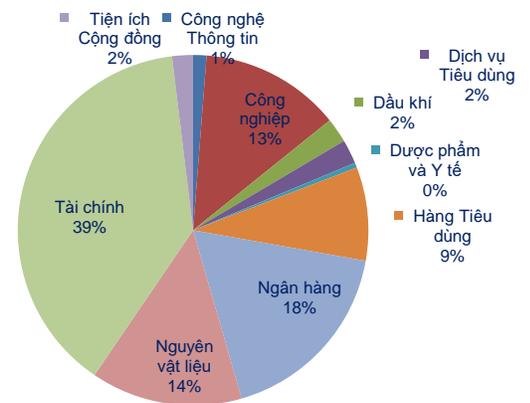
KLGD và HNX-Index trong phiên



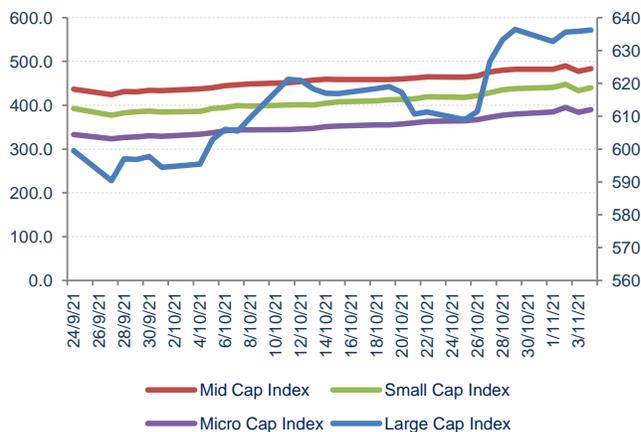
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



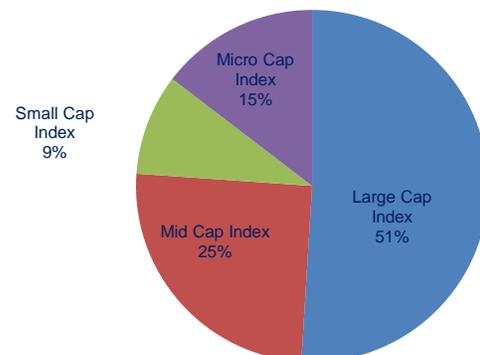
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,084,600	PAN	14,808,000
2	FUEVFNVD	1,950,700	SSI	4,478,200
3	STB	1,376,900	GEX	1,983,500
4	HQC	1,313,400	VRE	1,440,300
5	HCM	1,223,900	HSG	1,195,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	254,500	PVS	538,700
2	KLF	128,900	PDB	290,700
3	SHS	60,700	CMS	60,000
4	PPS	48,000	IVS	56,400
5	VTV	35,000	IDJ	25,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	28.65	30.50	↑ 6.46%	44,345,500
HQC	5.40	5.26	↓ -2.59%	34,930,700
GEX	28.90	30.90	↑ 6.92%	28,313,848
SSI	41.70	43.00	↑ 3.12%	25,839,200
PAN	31.60	33.00	↑ 4.43%	21,049,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.20	28.50	↓ -2.40%	11,541,628
SHS	41.00	43.30	↑ 5.61%	11,447,111
IDC	72.90	80.10	↑ 9.88%	6,780,751
MBG	13.90	13.60	↓ -2.16%	6,627,147
CEO	12.00	12.40	↑ 3.33%	6,593,933

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAI	5.29	5.66	0.37	↑ 6.99%
BSI	38.80	41.50	2.70	↑ 6.96%
ACL	15.10	16.15	1.05	↑ 6.95%
VMD	35.40	37.85	2.45	↑ 6.92%
GEX	28.90	30.90	2.00	↑ 6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
API	83.00	91.30	8.30	↑ 10.00%
CSC	123.00	135.30	12.30	↑ 10.00%
KSQ	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
NRC	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
IDJ	61.10	67.20	6.10	↑ 9.98%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CIG	11.50	10.70	-0.80	↓ -6.96%
UDC	9.50	8.84	-0.66	↓ -6.95%
CCI	25.90	24.10	-1.80	↓ -6.95%
DXV	9.52	8.86	-0.66	↓ -6.93%
DAH	10.25	9.54	-0.71	↓ -6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDB	34.00	30.60	-3.40	↓ -10.00%
VGP	40.00	36.00	-4.00	↓ -10.00%
L14	216.70	195.20	-21.50	↓ -9.92%
S55	50.00	45.10	-4.90	↓ -9.80%
DC2	18.70	16.90	-1.80	↓ -9.63%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	451.84	3.4%	1,009	31.3	1.1
GEX	230.30	8.6%	1,978	14.6	1.2
SSI	223.45	16.5%	2,049	20.4	2.4
DCM	187.97	15.8%	1,952	16.7	2.6
TCB	89.19	21.3%	4,965	10.8	2.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-106.78	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	-86.70	18.1%	3,439	9.6	1.7
KBC	-63.07	6.0%	1,566	30.7	1.8
GAB	-56.32	1.1%	130	1,506.9	16.6
VHM	-41.08	38.3%	8,968	9.2	3.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TMS	6.89	18.0%	5,178	16.3	3.1
FUEVFVND	2.93	N/A	N/A	N/A	N/A
HQC	2.37	0.1%	9	610.9	0.6
VSC	1.83	14.2%	5,842	12.3	1.7
SSI	1.58	16.5%	2,049	20.4	2.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	-14.15	13.4%	1,896	24.9	3.1
HBC	-7.24	2.2%	370	52.9	1.1
VND	-3.62	34.3%	5,114	11.7	2.7
VCI	-3.18	24.5%	3,456	19.8	4.3
PHR	-2.78	21.0%	5,034	12.6	2.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAB	56.34	1.1%	130	1,506.9	16.6
FUEVFVND	52.43	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	38.20	24.6%	6,071	21.2	4.9
PVT	37.91	11.4%	2,270	10.9	1.2
KDH	34.31	13.4%	1,896	24.9	3.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-193.52	15.8%	1,952	16.7	2.6
GEX	-169.17	8.6%	1,978	14.6	1.2
TCB	-89.19	21.3%	4,965	10.8	2.1
NLG	-55.69	13.6%	4,688	12.4	1.5
VPB	-52.93	21.2%	2,772	13.9	2.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	67.69	18.1%	3,439	9.6	1.7
VHM	61.67	38.3%	8,968	9.2	3.0
FUEVFVND	51.42	N/A	N/A	N/A	N/A
HCM	50.59	19.2%	2,809	14.2	2.5
VCB	46.41	20.4%	5,696	17.3	3.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	-457.26	3.4%	1,009	31.3	1.1
SSI	-194.43	16.5%	2,049	20.4	2.4
VRE	-61.87	7.2%	954	33.2	2.4
GEX	-60.41	8.6%	1,978	14.6	1.2
HSG	-54.29	48.0%	8,817	5.1	2.0



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	44,345,500	17.8%	2,427	11.8	1.9
HQC	34,930,700	3250.0%	9	610.9	0.6
GEX	28,313,848	8.6%	1,978	14.6	1.2
SSI	25,839,200	16.5%	2,049	20.4	2.4
PAN	21,049,900	3.4%	1,009	31.3	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,541,628	4.6%	1,238	23.6	1.1
SHS	11,447,111	25.5%	3,162	13.0	2.0
IDC	6,780,751	11.3%	1,684	43.3	4.7
MBG	6,627,147	4.0%	422	32.9	1.3
CEO	6,593,933	-4.7%	(606)	-	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAI	↑ 7.0%	0.7%	87	61.0	0.5
BSI	↑ 7.0%	17.7%	2,241	17.3	2.9
ACL	↑ 7.0%	5.6%	792	19.1	1.1
VMD	↑ 6.9%	9.6%	2,341	15.1	1.4
GEX	↑ 6.9%	8.6%	1,978	14.6	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
API	↑ 10.0%	15.4%	2,441	34.0	5.0
CSC	↑ 10.0%	14.4%	2,299	53.5	7.2
KSQ	↑ 10.0%	0.2%	17	474.4	0.7
NRC	↑ 10.0%	-1.7%	(234)	-	2.5
IDJ	↑ 10.0%	19.6%	2,314	26.4	5.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,084,600	18.1%	3,439	9.6	1.7
UEVFN	1,950,700	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	1,376,900	11.1%	1,864	15.0	1.6
HQC	1,313,400	0.1%	9	610.9	0.6
HCM	1,223,900	19.2%	2,809	14.2	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	254,500	-4.7%	(606)	-	1.0
KLF	128,900	0.1%	6	839.2	0.5
SHS	60,700	25.5%	3,162	13.0	2.0
PPS	48,000	11.2%	1,375	10.1	1.2
VTV	35,000	0.4%	57	156.1	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	366,066	20.4%	5,696	17.3	3.3
VIC	362,637	2.9%	1,111	85.8	2.2
VHM	360,977	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	248,695	44.7%	7,085	7.8	2.9
GAS	229,674	16.9%	4,384	27.4	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,250	25.2%	4,694	50.1	14.2
IDC	21,870	11.3%	1,684	43.3	4.7
KSF	21,540	8.8%	777	92.5	3.6
VCS	19,200	41.5%	11,163	10.7	4.1
BAB	17,096	8.6%	979	23.2	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.66	0.1%	12	889.9	1.1
SCR	2.51	5.5%	740	19.8	1.1
HAI	2.37	0.7%	87	61.0	0.5
IJC	2.20	23.5%	3,643	9.0	2.2
DRH	2.17	2.8%	395	59.9	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	2.35	8.7%	885	13.2	1.1
APS	2.27	22.8%	1,856	20.5	3.4
HBS	2.24	1.2%	140	94.0	1.1
PSI	2.21	2.9%	300	51.3	1.5
VIG	2.05	-2.5%	(137)	-	1.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
